TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2018.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết Nga.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 13/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2018 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hồ Thị M, sinh năm: 1969
Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, tổ C, ấp D, xã E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bùi Văn Đ, sinh năm: 1969
Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, tổ C, ấp D, xã E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị M có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Hồ Thị M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị M và anh Bùi Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1984, hôn nhân do mai mối, không có đăng ký

kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2005, anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2015 đến nay, vợ chồng không sống chung, tuy ở chung nhà nhưng không quan tâm nhau, ngay cả khi chị M bị bệnh anh Đ cũng không quan tâm, không hỏi thăm, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung, tên Bùi Kim Mến, sinh ngày 06/4/1986 và Bùi Minh Trí sinh ngày 05/11/1993. Hiện hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải, anh Bùi Văn Đ trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất lời trình bày của chị M về thời gian kết, thời gian chung sống nhưng anh Đ không đồng ý nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày mà nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị M thường xuyên đi chùa, đi thầy, anh Đ có khuyên chị M nhiều lần nhưng chị M không sửa chữa dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Con chung: Có hai con chung, tên Bùi Kim Mến, sinh ngày 06/4/1986 và Bùi Minh Trí sinh ngày 05/11/1993. Hiện hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Hồ Thị M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn anh Bùi Văn Đ có địa chỉ tại xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn Đ, do anh Đ trực tiếp ký nhận, anh Đ có mặt tại phiên hòa giải nhưng anh Đ không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Hồ Thị M và anh Bùi Văn Đ được xác lập vào năm 1984, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, mặc dù anh chị không có đăng ký kết hôn nhưng anh chị chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị M cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ, tại phiên hòa giải anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hồ Thị M và anh Bùi Văn Đ có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan hệ vợ chồng thời gian dài, không quan tâm và chia sẻ với nhau, không có tiếng chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

[3] Xét con chung**:** Chị Hồ Thị M và anh Bùi Văn Đ có 02 con chung tên Bùi Kim Mến, sinh ngày 06/4/1986 và Bùi Minh Trí sinh ngày 05/11/1993, hiện hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Xét tài sản chung: Tại phiên hòa giải, chị M và anh Đ thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay, chị M trình bày vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có mặt tại phiên tòa để trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Xét nợ chung: Tại phiên hòa giải, chị M và anh Đ thống nhất vợ chồng không có nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nhưng anh Đ không có mặt để trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị M, chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003156 ngày 27/3/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị Hồ Thị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Thị M có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh